

Tam Hiệp, ngày 24 tháng 10 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG

Năm học: 2022 – 2023.

### 1.Ưu điểm:

- Tổ chức đầy đủ các môn thi theo kế hoạch
- Chất lượng các giải thi đấu khá cao
- Học sinh nhiệt tình tham gia
- Việc đăng ký vận động viên kịp thời
- 100% các lớp tham gia đầy đủ các nội dung
- Không có trường hợp bị chấn thương khi tập luyện , thi đấu

### 2.Tồn tại:

- Thời gian tổ chức ngày Hội và phát thưởng bị trễ so với kế hoạch do thời tiết mưa kéo dài

### 3. Kết quả các nội dung thi đấu cụ thể như sau:

| STT | HỌ VÀ TÊN              | NỘI DUNG     | LỚP | Vị thứ |
|-----|------------------------|--------------|-----|--------|
| 01  | Trà Dương Tuấn Vỹ      | Bóng bàn nam | 6.2 | Nhất   |
| 02  | Lê Cao Thái Tân Em     | Bóng bàn nam | 7.2 | Nhất   |
| 03  | Lê Đức Đạo             | Bóng bàn nam | 8.1 | Nhất   |
| 04  | Nguyễn Doãn Văn Tâm    | Bóng bàn nam | 9.5 | Nhất   |
| 05  | Bùi Ngô Bảo Trân       | Bóng bàn nữ  | 6.6 | Nhất   |
| 06  | Nguyễn Việt Thiên Kiều | Bóng bàn nữ  | 7.2 | Nhất   |
| 07  | Bùi Hân Giang          | Bóng bàn nữ  | 8.4 | Nhất   |
| 08  | Bạch Nguyễn Thiên Kim  | Bóng bàn nữ  | 9.1 | Nhất   |
| 09  | Nguyễn Trung Hải       | 100m nam     | 6.4 | Nhất   |
| 10  | Võ Thị Huỳnh Như       | 100m nữ      | 6.4 | Nhất   |
| 11  | Nguyễn Ngọc Chinh      | 100m nam     | 7.1 | Nhất   |
| 12  | Chung Ngọc Hải Yến     | 100m nữ      | 7.3 | Nhất   |
| 13  | Phan Quang Vinh        | 100m nam     | 8.5 | Nhất   |
| 14  | Phạm Hương Giang       | 100m nữ      | 8.1 | Nhất   |
| 15  | Lê Viết Hiếu           | 100m nam     | 9.2 | Nhất   |
| 16  | Phạm Thị Thảo Nhi      | 100m nữ      | 9.1 | Nhất   |
| 17  | Lê Thanh Vỹ            | 200m nam     | 6.1 | Nhất   |
| 18  | Doãn Thị Kim Tín       | 200m nữ      | 6.4 | Nhất   |
| 19  | Nguyễn Văn Bộ          | 200m nam     | 7.2 | Nhất   |
| 20  | Nguyễn Thị Thanh Nhàn  | 200m nữ      | 7.3 | Nhất   |
| 21  | Nguyễn Tất Thanh       | 200m nam     | 8.3 | Nhất   |
| 22  | Bùi Thị Lan Anh        | 200m nữ      | 8.2 | Nhất   |

|    |                         |                 |     |      |
|----|-------------------------|-----------------|-----|------|
| 23 | Võ Hồng Tây             | 200m nam        | 9.1 | Nhất |
| 24 | Trần Thị Xuân Tuyền     | 200m nữ         | 9.4 | Nhất |
| 25 | Nguyễn Trung Hải        | 400m nam        | 6.4 | Nhất |
| 26 | Võ Thị Quỳnh Như        | 400m nữ         | 6.4 | Nhất |
| 27 | Nguyễn Ngọc Chinh       | 400m nam        | 7.1 | Nhất |
| 28 | Phạm Như Ý              | 400m nữ         | 7.3 | Nhất |
| 29 | Nguyễn Minh Khôi        | 400m nam        | 8.1 | Nhất |
| 30 | Phan Nguyễn Thảo Nguyên | 400m nữ         | 8.4 | Nhất |
| 31 | Nguyễn Hoàng Anh Khoa   | 400m nam        | 9.4 | Nhất |
| 32 | Phạm Thị Thảo Nhi       | 400m nữ         | 9.1 | Nhất |
| 33 | Nguyễn Thị Thu Sa       | 800m nữ         | 6.4 | Nhất |
| 34 | Nguyễn Hoàng Như Ý      | 800m nữ         | 7.1 | Nhất |
| 35 | Nguyễn Thị Kim Tuyền    | 800m nữ         | 8.3 | Nhất |
| 36 | Nguyễn Thị Nhật Duyên   | 800m nữ         | 9.1 | Nhất |
| 37 | Mai Quốc Huy            | 1500m nam       | 6.3 | Nhất |
| 38 | Lê Quốc Phong           | 1500m nam       | 7.3 | Nhất |
| 39 | Nguyễn Văn Nguyên       | 1500m nam       | 8.2 | Nhất |
| 40 | Nguyễn Văn Quyền        | 1500m nam       | 9.3 | Nhất |
| 41 | Lương Minh Nhật         | Nhảy cao Nam    | 6.1 | Nhất |
| 42 | Nguyễn Quỳnh Chi        | Nhảy cao Nữ     | 6.5 | Nhất |
| 43 | Nguyễn Trường Nhật      | Nhảy cao Nam    | 7.3 | Nhất |
| 44 | Trần Thị Phương Nga     | Nhảy cao Nữ     | 7.2 | Nhất |
| 45 | Lương Gia Hân           | Nhảy cao Nam    | 8.1 | Nhất |
| 46 | Bùi Thị Lan Anh         | Nhảy cao Nữ     | 8.2 | Nhất |
| 47 | Trần Ngọc Vũ            | Nhảy cao Nam    | 9.5 | Nhất |
| 48 | Nguyễn Thị Nhật Duyên   | Nhảy cao Nữ     | 9.1 | Nhất |
| 49 | Nguyễn Hoàng Minh Phú   | Nhảy xa Nam     | 6.3 | Nhất |
| 50 | Trần Nguyễn Như Quỳnh   | Nhảy xa Nữ      | 6.2 | Nhất |
| 51 | Nguyễn Trường Nhật      | Nhảy xa Nam     | 7.3 | Nhất |
| 52 | Đào Lê Anh Thư          | Nhảy xa Nữ      | 7.1 | Nhất |
| 53 | Lương Gia Hân           | Nhảy xa Nam     | 8.1 | Nhất |
| 54 | Phan Nguyễn Thảo Nguyên | Nhảy xa Nữ      | 8.4 | Nhất |
| 55 | Nguyễn Ngọc Tuấn        | Nhảy xa Nam     | 9.2 | Nhất |
| 56 | Nguyễn Thị Duyên Hồng   | Nhảy xa Nữ      | 9.5 | Nhất |
| 57 | Đội bóng                | Bóng chuyền nam | 9.2 | Nhất |
| 58 | Đội bóng                | Bóng chuyền nam | 9.4 | Nhì  |
| 59 | Đội bóng                | Bóng chuyền nữ  | 9.4 | Nhất |
| 60 | Đội bóng                | Bóng chuyền nữ  | 9.3 | Nhì  |
| 61 | Đội bóng                | Bóng chuyền nữ  | 8.4 | Nhất |
| 62 | Đội bóng                | Bóng chuyền nữ  | 8.3 | Nhì  |
| 63 | Đội bóng                | Bóng chuyền nam | 8.1 | Nhất |
| 64 | Đội bóng                | Bóng chuyền nam | 8.4 | Nhì  |
| 65 | Đội bóng                | Bóng đá nam     | 6.4 | Nhất |
| 66 | Đội bóng                | Bóng đá nam     | 6.2 | Nhì  |
| 67 | Đội bóng                | Bóng đá nam     | 7.1 | Nhất |

|    |                         |              |     |      |
|----|-------------------------|--------------|-----|------|
| 68 | Đội bóng                | Bóng đá nam  | 8.4 | Nhất |
| 69 | Đội bóng                | Bóng đá nam  | 8.3 | Nhì  |
| 70 | Đội bóng                | Bóng đá nam  | 9.1 | Nhất |
| 71 | Đội bóng                | Bóng đá nam  | 9.4 | Nhì  |
| 72 | Đội bóng                | Bóng rổ nam  | 8.3 | Nhất |
| 73 | Đội bóng                | Bóng rổ nam  | 8.2 | Nhì  |
| 74 | Đội bóng                | Bóng rổ nam  | 9.3 | Nhất |
| 75 | Đội bóng                | Bóng rổ nam  | 9.2 | Nhì  |
| 76 | Nguyễn Lê Hoang Huy     | Cờ vua nam   | 6.6 | Nhất |
| 77 | Bùi Ngô Bảo Trân        | Cờ vua nữ    | 6.6 | Nhất |
| 78 | Phan Huỳnh Bảo          | Cờ vua nam   | 7.3 | Nhất |
| 79 | Đào Lê Anh Thư          | Cờ vua nữ    | 7.1 | Nhất |
| 80 | Chung Nguyễn Thành Long | Cờ vua nam   | 8.3 | Nhất |
| 81 | Trà Hoàng Bảo Trâm      | Cờ vua nữ    | 8.2 | Nhất |
| 82 | Võ Anh Đức              | Cờ vua nam   | 9.5 | Nhất |
| 83 | Nguyễn Thị Hồng Quyên   | Cờ vua nữ    | 9.3 | Nhất |
| 84 | Phạm Trần Nhật Minh     | Cầu lông nam | 6.3 | Nhất |
| 85 | Ngô Nguyễn Thành Tín    | Cầu lông nam | 6.6 | Nhì  |
| 86 | Đặng Hồng Diễm          | Cầu lông nữ  | 6.1 | Nhất |
| 87 | Nguyễn Thị Thanh Tú     | Cầu lông nữ  | 6.5 | Nhì  |
| 88 | Ngô Gia Huy             | Cầu lông nam | 7.1 | Nhất |
| 89 | Nguyễn Đình Duy         | Cầu lông nam | 7.3 | Nhì  |
| 90 | Đào Lê Anh Thư          | Cầu lông nữ  | 7.1 | Nhất |
| 91 | Đào Thị Vân Thảo        | Cầu lông nữ  | 7.3 | Nhì  |
| 92 | Ngô Hữu Khang           | Cầu lông nam | 8.3 | Nhất |
| 93 | Nguyễn Lê Tấn Phát      | Cầu lông nam | 8.2 | Nhì  |
| 94 | Nguyễn Hà Thùy Dương    | Cầu lông nữ  | 8.4 | Nhất |
| 95 | Nguyễn Kiều Diễm        | Cầu lông nữ  | 8.2 | Nhì  |
| 96 | Nguyễn Dương Vũ         | Cầu lông nam | 9.5 | Nhất |
| 97 | Phạm Văn Khôi           | Cầu lông nam | 9.3 | Nhì  |
| 98 | Nguyễn Thiên My         | Cầu lông nữ  | 9.5 | Nhất |
| 99 | Trần Thị Mỹ Duyên       | Cầu lông nữ  | 9.1 | Nhì  |

**4. Kết quả toàn đoàn cụ thể như sau:**

| TT | LỚP             | VỊ THỨ | GHI CHÚ |
|----|-----------------|--------|---------|
| 01 | TẬP THỂ LỚP 7.1 | NHẤT   | 8/19    |
| 02 | TẬP THỂ LỚP 7.3 | NHÌ    | 7/19    |
| 03 | TẬP THỂ LỚP 6.4 | BA     | 7/19    |

Tam Hiệp, ngày 22 tháng 10 năm 2022

**TM. BAN HĐNGLL**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**